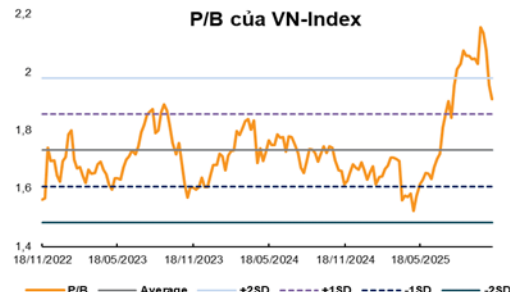
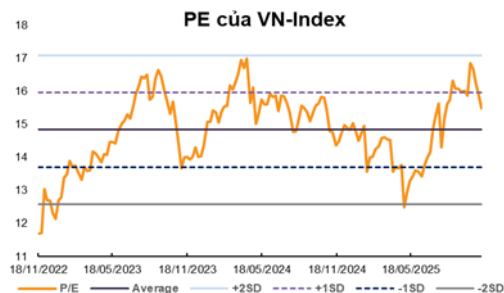
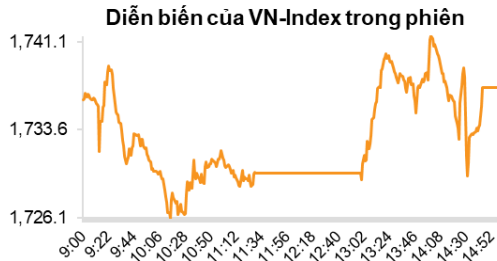


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1,737.2	262.3	120.9
1 ngày (%)	0.3	1.0	0.6
1 tháng (%)	5.2	-1.4	4.9
Từ 2025	37.1	15.3	27.2
1 Năm (%)	40.1	16.8	30.8
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	7,666	407	913
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1.0	1.3	0.5
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg



Thị trường chứng khoán

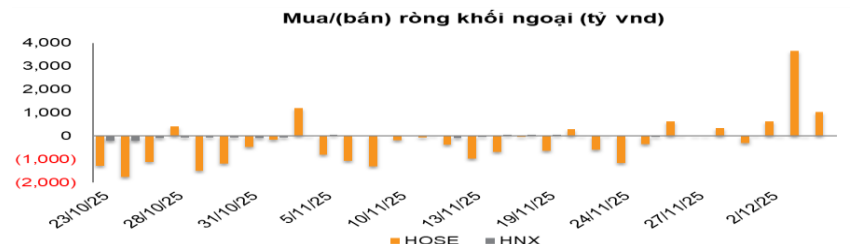
VN-Index duy trì tăng điểm bất chấp áp lực bán gia tăng

Phiên giao dịch ngày 04/12, thị trường duy trì đà tăng. Dòng tiền nhập cuộc bền bỉ, giúp chỉ số chung giữ vững sắc xanh và thiết lập nền giá cao mới bất chấp việc nhiều mã cổ phiếu đóng góp lớn vào điểm số thời gian vừa qua là VIC, VHM, VRE, VJC, SAB có phiên điều chỉnh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 5,47 điểm (+0,32%) tạm dừng chân ở mốc 1.737,24 điểm. Độ rộng thị trường vẫn duy trì trạng thái tích cực với 217 mã tăng so với 91 mã giảm.

Chỉ số VN30 ghi nhận mức tăng 7,54 điểm (+0,38%), lên mức 1.979,53 điểm với số mã tăng vẫn chiếm ưu thế (16 mã tăng/10 mã giảm). Về nhóm ngành, động lực dẫn dắt từ nhóm Ngân hàng đã suy yếu so với phiên trước đó. Lực tăng đến từ nhóm cổ phiếu phi tài chính và một số mã ngân hàng có câu chuyện riêng. Dòng tiền có dấu hiệu suy yếu tại nhóm dẫn dắt và luân chuyển sang các nhóm chưa tăng mạnh. Nhóm Ngân hàng (+0,75%) mặc dù vẫn giữ sắc xanh, mức tăng đã thu hẹp đáng kể so với phiên tăng chỉ số trước đó (+3,02%), Nhóm Tài nguyên (+1,61%) và Xây dựng & Vật liệu (+1,21%) có chuyển biến tích cực khi ghi nhận mức tăng chỉ số tích cực, đóng vai trò nâng đỡ chỉ số khi nhóm Ngân hàng chững lại. Nhóm Dịch vụ Tài chính (+1,26%) cũng duy trì đà tăng tích cực, đồng pha với diễn biến chung của thị trường. Ở chiều ngược lại, Nhóm Du lịch & Giải trí (-1,16%) và Bất động sản (-0,41%) tiếp tục chịu áp lực bán, là những nhân tố kìm hãm đà tăng của chỉ số.

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HoSE đạt hơn 25,3 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ so với phiên trước đó và duy trì ở mức cao hơn ngưỡng trung bình 20 phiên gần nhất. Việc thanh khoản tăng nhưng biên độ tăng điểm thu hẹp cho thấy áp lực bán tại vùng giá cao đang gia tăng. Sự chững lại của nhóm Ngân hàng và áp lực bán gia tăng là những tín hiệu cảnh báo về khả năng xuất hiện nhịp điều chỉnh kỹ thuật hoặc đi ngang tích lũy để hấp thụ lực bán này. Chúng tôi duy trì chiến lược giao dịch chủ động nhưng đi kèm quản trị rủi ro. Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu thuộc nhóm dẫn dắt để tối ưu hóa lợi nhuận, có thể canh chốt lời một phần đối với các mã đã tăng nóng chạm kháng cự mạnh. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao, nên tận dụng các nhịp rung lắc, điều chỉnh kỹ thuật trong phiên để mở vị thế mua mới thăm dò với tỷ trọng hợp lý, ưu tiên các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt chưa tăng nóng và thuộc nhóm ngành được hưởng lợi. Tuy nhiên tránh hành động mua đuổi cổ phiếu.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5.4	369.1	4.4	1.4	18.4	24.5	29.8	-12.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5.9	27.2	3.0	-0.9	4.7	11.8	12.9	-1.0
Năng lượng	1.9	27.0	1.4	1.1	0.0	-3.6	-6.7	21.8
Tài chính	39.6	11.4	1.8	0.8	0.3	29.6	34.8	-10.4
Chăm sóc sức khỏe	0.5	22.5	2.7	0.4	1.3	3.0	4.0	183.3
Công nghiệp	9.1	52.5	5.5	-0.1	4.1	118.1	126.3	43.7
Công nghệ thông tin	2.4	18.5	4.4	0.8	-4.8	-23.9	-20.2	12.3
Vật liệu xây dựng	6.2	15.7	1.7	1.2	0.4	9.0	9.7	46.6
Bất động sản	25.0	76.8	4.8	-0.6	18.6	349.4	354.9	21.2
Dịch vụ tiện ích	3.8	15.0	2.0	0.6	4.1	1.5	1.7	128.7



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: Báo cáo ADP tháng 11/2025 cho thấy thị trường lao động yếu hơn dự kiến khi khu vực tư nhân giảm 32.000 việc làm (kỳ vọng +10.000 việc làm). Mức giảm này theo sau tháng 10 ghi nhận +47.000 việc làm (sau khi điều chỉnh).
- EU: Lạm phát Eurozone tháng 11/2025 tăng lên 2,2% (sv 2,1% tháng 10), cao hơn dự báo 2,1% chủ yếu do giá dịch vụ tiếp tục tăng, với lạm phát dịch vụ đạt khoảng 3,5%, trong khi lạm phát lõi giữ ổn định quanh 2,4%.
- Nhật Bản: NHTW Nhật Bản phát đi tín hiệu rõ ràng có thể nâng lãi suất vào cuộc họp chính sách cuối tháng 12 từ 0,5% lên 0,75%, với bối cảnh đồng Yên đang suy yếu, chi phí nhập khẩu cao, lạm phát nhích tăng, trong khi nền kinh tế và thu nhập trong nước có dấu hiệu phục hồi.
- Nga: Chính thức phát hành trái phiếu chính phủ nhân dân tệ đầu tiên với tổng khối lượng khoảng 20 tỷ NDT (2,8 tỷ USD), với hai kỳ hạn: trái phiếu đáo hạn năm 2029 có lãi suất ~6% và trái phiếu đáo hạn năm 2033 có lãi suất ~7%.

Tin vĩ mô trong nước

- Bộ Công Thương Việt Nam và phái đoàn EU đã thông qua kế hoạch hành động trong khuôn khổ chương trình SETP (Sustainable Energy Transition Programme), nhằm thúc đẩy mạnh quá trình chuyển đổi năng lượng xanh, sạch và linh hoạt; các dự án hỗ trợ để giúp Việt Nam thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào 2050.
- Tại kỳ họp lần I Ủy ban Hỗn hợp diễn ra tại thủ đô La Habana, Việt Nam và Cuba lần đầu thiết lập cơ chế đối thoại thường xuyên để thực thi Hiệp định Thương mại Việt Nam–Cuba. Hai bên đánh giá quan hệ thương mại–đầu tư tiếp tục duy trì tích cực kể từ khi Hiệp định có hiệu lực năm 2020, đặt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên 500 triệu USD.
- Bộ Tài chính cùng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đang lấy ý kiến rộng rãi cho dự thảo sửa đổi Thông tư 95/2020/TT-BTC và Thông tư 06/2022/TT-BTC để hoàn thiện khung giám sát giao dịch, giám sát tuân thủ trên thị trường chứng khoán—bao gồm việc thiết lập mô hình giám sát ba cấp, phân định rõ vai trò, trách nhiệm giữa các cơ quan như UBCKNN, các sở giao dịch chứng khoán, công ty lưu ký/ bù trừ chứng khoán và thành viên tham gia giao dịch.

Tin ngành và doanh nghiệp

- PVI – PVN sắp thoái toàn bộ 35% vốn, chuẩn bị đấu giá trọn lô; kết quả kinh doanh 9T25 cao nhất lịch sử:** PVI bước vào giai đoạn tái cấu trúc cổ đông lớn khi PVN gần hoàn tất thủ tục thoái toàn bộ 35% vốn theo phương án đấu giá trọn lô, trong bối cảnh doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận 9T25 cao kỷ lục và cổ phiếu tăng mạnh. Theo PVI, PVN đang hoàn thiện những bước cuối của quá trình thoái vốn bắt buộc theo Quyết định 1243/QĐ-TTg. Phương án dự kiến là đấu giá toàn bộ 35% vốn, với thời điểm triển khai ngay cuối 2025 hoặc sang đầu 2026. Giá trị thị trường lô cổ phần ước 7.100 tỷ đồng.
- VIC – VinEnergy được giao 2 dự án điện gió hơn 39.000 tỷ đồng tại Hà Tĩnh:** UBND tỉnh Hà Tĩnh đã chính thức lựa chọn VinEnergy (thuộc Vingroup) làm nhà đầu tư cho 2 dự án điện gió ngoài khơi lớn nhất tỉnh, tổng mức đầu tư hơn 39.000 tỷ đồng, đánh dấu bước tiến quan trọng trong chiến lược năng lượng sạch của Vingroup.
- KDH – Hai quỹ VinaCapital đăng ký bán hơn 3,4 triệu cổ phiếu để cơ cấu danh mục:** Hai quỹ thành viên của VinaCapital đồng loạt đăng ký bán tổng cộng hơn 3,4 triệu cổ phiếu KDH nhằm cơ cấu danh mục, trong khi giao dịch nội bộ biến động mạnh với việc Phó Chủ tịch Lý Điền Sơn chuyển/tặng 17,7 triệu cổ phiếu cho người thân. Dù vậy, hoạt động kinh doanh của Nhà Khang Điền tiếp tục tích cực với lợi nhuận 9T25 tăng hơn 104%, hoàn thành 84% kế hoạch năm.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Tỷ giá USDEVND tiếp tục đi ngang quanh mức 26,370 đồng trong khi chỉ số USD duy trì dưới mức 99, dao động quanh mức thấp nhất trong hơn một tháng khi ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy thị trường việc làm Mỹ suy yếu, củng cố kỳ vọng Fed sẽ cắt giảm lãi suất vào tuần tới. Dữ liệu ADP công bố hôm thứ Tư cho thấy số việc làm khu vực tư nhân giảm bất ngờ 32.000, làm gia tăng lo ngại về sự chậm lại sâu hơn của thị trường lao động Mỹ.
- Lãi suất liên ngân qua đêm giảm nhẹ xuống còn 6,9% từ 7,3% ngày hôm qua nhưng vẫn còn khá cao. Ngân hàng Nhà nước đã tạm dừng bơm ròng sau 8 phiên bơm ròng liên tiếp.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3.20	0.2	1.1	39.7	60.5
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	6.95	-4.8	22.4	80.5	67.5
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7.15	-1.2	24.3	44.4	53.8
USD/MND	26,372	0.0	-0.2	-3.4	-3.7
DXY	98.87	0.0	-1.3	-8.9	-7.0
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4.08	0.4	-0.1	-10.7	-2.4
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3.52	0.6	-1.7	-17.5	-13.8

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4,187.10	-0.3	5.7	58.5	57.8
Xăng Ron 95 (USD/l) 1 th	59.19	0.4	-2.3	-17.5	-13.6
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	62.84	0.3	-2.5	-15.8	-13.1
Thép (USD/tấn)	452.1	0.1	0.3	-9.7	-11.1
Thịt heo (USD/kg)	1.6	-1.0	-6.2	-27.3	-28.5
Gạo (USD/tấn)	451.1	0.3	-2.5	-29.1	-34.3
Phân urea (USD/tấn)	363.0	0.0	3.0	14.3	16.2

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 01/12/2025	Việt Nam	Chỉ số PMI sản xuất tháng 11.2025
	Trung Quốc	Chỉ số PMI sản xuất tháng 11.2025
Thứ Ba 02/12/2025	Mỹ	Chủ tịch Fed phát biểu
	EU	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11.2025
Thứ Sáu 05/12/2025	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 9.2025
Thứ Bảy 06/12/2025	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 11.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7,458	1.7	3,466	54,900	73,300	34.5%	1.0%	18.5	2.9	17%
AST	130	0.0	5	75,900	85,400	15.8%	3.3%	15.0	5.3	38%
HVN	3,475	1.8	728	29,450	43,400	49.5%	2.1%	9.8	16.4	
VJC	4,231	15.1	969	206,000	113,600	-44.4%	0.5%	70.9	5.0	8%
Bán lẻ										
BAF	389	2.6	183	33,750	37,200	10.2%		18.3	2.4	13%
DGW	369	3.0	97	44,000	49,600	13.9%	1.1%	18.2	3.0	17%
FRT	1,024	3.1	171	158,500	150,300	-5.0%	0.2%	43.8	8.7	25%
MCH	8,847	3.2	3,098	220,800	147,000	-32.3%	1.1%	33.4	14.6	44%
MWG	4,810	22.8	130	85,800	96,300	13.4%	1.2%	21.7	4.0	20%
PNJ	1,168	2.1	0	90,300	109,900	23.3%	1.6%	13.5	2.5	21%
QNS	629	0.2	257	45,100	53,400	20.6%	2.2%	7.3	1.4	20%
SAB	2,475	1.7	1,026	50,900	59,900	21.6%	3.9%	15.4	2.9	18%
VHC	490	3.2	394	57,600	71,300	27.3%	3.5%	8.3	1.3	17%
VNM	5,024	11.8	2,495	63,400	74,800	22.5%	4.5%	17.1	3.9	24%
Tài chính										
ACB	4,850	12.8	45	24,900	31,300	29.2%	3.5%	7.4	1.4	20%
BID	10,170	5.5	1,306	38,200	47,200	24.7%	1.2%	10.1	1.7	18%
CTG	10,588	17.4	471	52,000	49,000	-4.9%	0.9%	8.4	1.7	22%
HDB	4,822	19.9	155	32,950	34,900	8.4%	2.5%	7.9	1.8	25%
LPB	5,607	4.7	226	49,500	33,400	-27.5%	5.1%	14.3	3.4	25%
MBB	7,850	28.1	228	25,700	32,900	30.0%	1.9%	8.5	1.6	21%
STB	3,589	17.0	543	50,200	45,700	-7.7%	1.2%	7.7	1.5	22%
TCB	9,512	22.8	6	35,400	40,300	16.7%	2.8%	11.4	1.5	14%
TPB	1,851	10.9	100	17,600	17,800	6.5%	5.4%	7.5	1.2	17%
VCB	18,662	11.0	1,617	58,900	69,300	18.4%	0.8%	14.0	2.2	17%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VIB	2,440	6.3	0	18,900	23,600	28.1%	3.2%	8.5	1.4	18%
VPB	9,101	34.2	514	30,250	37,100	24.3%	1.7%	11.6	1.6	14%
Dệt may										
MSH	144	0.5	65	33,850	40,600	31.8%	11.8%	6.6	1.7	28%
TCM	119	1.6	2	27,950	29,800	8.2%	1.6%	12.1	1.3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2,602	0.6	825	66,300	68,600	5.0%	1.5%	18.7	3.2	18%
GMD	1,004	5.7	58	62,100	72,000	19.2%	3.2%	20.3	2.1	12%
HAH	394	5.2	91	61,500	55,400	-8.7%	1.3%	8.9	2.5	31%
VSC	328	10.4	152	23,100	19,100	-15.2%	2.2%	19.1	1.6	9%
IDC	564	3.4	214	39,200	45,600	20.2%	3.8%	8.1	2.3	31%
KBC	1,270	8.8	490	35,550	30,000	-14.6%	1.1%	19.0	1.4	7%
PHR	299	0.5	106	58,200	68,400	19.8%	2.3%	11.8	2.0	17%
VTP	465	2.7	206	100,800	129,200	29.2%	1.1%	41.6	7.0	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1,397	6.8	536	97,000	128,300	35.4%	3.1%	12.4	2.4	20%
HPG	7,946	51.0	2,355	27,300	30,000	11.0%	1.1%	14.6	1.7	12%
Dầu khí										
BSR	2,934	6.8	1,423	15,450	16,700	10.9%	2.8%	37.4	1.3	4%
GAS	5,947	1.8	2,806	65,000	78,400	23.8%	3.1%	13.0	2.4	20%
OIL	412	0.4	25	10,500	14,800	43.3%	2.4%	33.2	1.0	3%
PLX	1,684	2.1	84	34,950	47,700	39.9%	3.4%	17.8	1.7	10%
PVD	560	7.2	227	26,550	27,850	14.3%	9.4%	16.4	0.9	6%
PVS	642	5.7	231	33,100	44,800	37.3%	2.0%	11.7	1.2	11%
PVT	339	2.3	133	19,000	23,400	24.4%	1.2%	9.1	1.1	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	607	3.8	282	23,550	23,300	2.6%	3.7%	20.7	1.4	7%
DCM	688	3.5	312	34,250	40,000	22.6%	5.8%	10.4	1.7	17%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DDV	147	1.3	67	26,600	39,700	52.6%	3.4%	23.1	2.2	10%
PLC	80	0.3	38	26,000	34,800	35.8%	1.9%	17.6	1.6	9%
Điện										
POW	1,336	5.0	618	15,050	17,600	18.3%	1.3%	18.5	1.0	6%
Điện và BDS										
HDG	448	5.0	130	31,900	37,400	18.5%	1.3%	34.0	1.8	5%
PC1	362	2.3	136	23,200	30,500			19.1	1.6	9%
REE	1,312	1.4	0	63,900	76,600	21.2%	1.4%	13.4	1.7	13%
Bất động sản										
DXG	740	18.2	221	19,150	18,300	6.0%	10.4%	46.9	1.6	3%
KDH	1,466	8.6	331	34,450	41,800	22.2%	0.9%	43.1	2.1	5%
NLG	664	4.2	31	36,100	42,200	18.2%	1.3%	18.7	1.5	9%
VHM	16,385	23.4	6,732	105,200	93,600			16.5	2.0	13%
VRE	2,964	14.4	1,038	34,400	32,000	-3.9%	3.1%	16.0	1.7	11%
Công nghệ										
FPT	6,298	36.3	639	97,500	118,200	22.3%	1.0%	18.5	4.6	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA